

Bản án số: 58/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 10 /6/2026

V/v: Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuê và ông Nguyễn Bá Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2026/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 1 năm 2026 về việc “ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà T, sinh ngày 13/7/1995; Số CCCD: 033195002635.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số B, phường K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đồng T1, sinh ngày 01/01/1988; Số CCCD: 035088000582.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số B, phường K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 06/01/2026 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Hà T trình bày: Chị và anh Trần Đồng T kết hôn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường K, tỉnh Ninh Bình) ngày 29 tháng 3 năm 2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Tháng 10/2025 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi kể từ đó cho đến nay và không

quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đồng T1.

Bị đơn là anh Trần Đồng T1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn mâu thuẫn giữa anh với chị Trần Thị Hà T đúng như chị T đã trình bày. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Anh D, sinh ngày 18/11/2023 và cháu Trần Hà M, sinh ngày 15/10/2024. Khi ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 xin được nuôi cháu Trần Anh D, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị T và anh T1 đều xác định không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ: Chị T và anh T1 thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hà T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hà T và anh Trần Đồng T1. Về con chung: Giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 18/11/2023, cháu Trần Hà M, sinh ngày 15/10/2024 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Đồng T1. Địa chỉ: Tổ dân phố số B, phường K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình. Anh T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định

của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hà T và anh Trần Đồng T1 kết hôn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường K, tỉnh Ninh Bình) ngày 29 tháng 3 năm 2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là tính tình không hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Tháng 10/2025 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi kể từ đó cho đến nay làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T1 nhất trí và cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1 là tự nguyện, có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Trần Anh D, sinh ngày 18/11/2023, cháu Trần Hà M, sinh ngày 15/10/2024. Khi ly hôn chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi con và không tự thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần nuôi dưỡng con chung cũng như công việc, mức thu nhập của mỗi bên thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý và xét xử vụ án thì cháu D và cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi và đang ở với chị T ổn định, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Để bảo vệ quyền lợi người phụ nữ và trẻ em và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu D và cháu M. Do đó giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 18/11/2023, cháu Trần Hà M, sinh ngày 15/10/2024 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con riêng: Chị T, anh T1 xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp: Chị T và anh T1 cùng thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T và anh T1 thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí. Tuy nhiên chị T xin chịu toàn bộ, chịu thay cả phần án phí của anh T1 để được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên được chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hà T và anh Trần Đồng T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 18/11/2023 và cháu Trần Hà M, sinh ngày 15/10/2024 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trần Thị Hà T chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị T xin chịu thay cả phần án phí của anh T1), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000576 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5-Ninh Bình;
- T.H.A dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Kim Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Nguyệt